

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GOLD STAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GOLD STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLD STAR TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLD STAR TRAIN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108127065

3. Ngày thành lập: 11/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1 Đại Kim Building, đường Vũ Tông Phan, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Dịch vụ đóng gói	8292
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
7.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
8.	Thu gom rác thải độc hại	3812
9.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
12.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
13.	Bán buôn tổng hợp	4690
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719(Chính)
15.	Chăn nuôi lợn	0145
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

18.	Trồng cây ăn quả	0121
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
20.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
21.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
22.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
23.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
24.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
25.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
26.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
27.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
28.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
29.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
30.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Bán buôn gạo	4631
33.	Bán buôn thực phẩm	4632
34.	Bán buôn đồ uống - Bán buôn đồ uống có cồn - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
35.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
36.	Dịch vụ ăn uống khác - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Chăn nuôi khác - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;	0149
39.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
40.	Sản xuất giống thủy sản	0323
41.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
42.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
43.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
46.	Tái chế phế liệu	3830
47.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá Đại lý, môi giới	4610

49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Doanh nghiệp kinh doanh thuốc	4649
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pépsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác	4723
54.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc	4772

63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
64.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	Tổ dân phố Thượng Cát 1, Phường Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	001184015623	
2	NGÔ THỊ VÂN	Tổ dân phố Thượng Cát 1, Phường Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	800.000.000	40,000	011467624	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184015623

Ngày cấp: 04/07/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Thượng Cát 1, Phường Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Thượng Cát 1, Phường Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội